SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH ĐỊNH

**TRƯỜNG THPT TÂY SƠN**

**MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**NĂM HỌC: 2023 – 2024**

**LỚP: 11**

**KHUNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**LỚP: 11 (CÁNH DIỀU)**

*-* Kiêm tra theo ma trận và đặc tả

**IV.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch kiến thức** | **Chủ đề** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng** | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số câu TN** | **Số câu TL** | **Tổng điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1 | Hoạt động của nền kinh tế | 1. Cạnh tranh, cung, cầu trong nền kinh tế thị trường | 2 |  | 1 |  |  | 1  1/2 |  | 1/2 | 3 | 1/2 | **1.25** |
| 2. Thị trường lao động, việc làm | 4 |  | 3 |  |  |  | 7 |  | **1.75** |
| 3. Lạm phát, thất nghiệp | 3 |  | 2 |  |  |  | 5 | 1/2 | **1.75** |
| 2 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | 4. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cơ bản của người kinh doanh. | 2 |  | 2 |  |  |  | 4 | 1/2 | **1.5** |
| 5. Đạo đức kinh doanh | 3 |  | 2 |  |  |  | 5 | 1/2 | **1.75** |
| 3 | Hoạt động  tiêu dùng | 6. Văn hóa tiêu dùng | 2 |  | 2 |  |  |  | 4 | 1 | **2.5** |
| **Tổng câu** | | | **16** |  | **12** |  |  | **2** |  | **1** | **28** | **3** | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** | | |

**V. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch kiến thức** | **Tên bài** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Hoạt động của nền kinh tế** | **1. Cạnh tranh, cung, cầu trong nền kinh tế thị trường** | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm của cạnh tranh.  - Chỉ ra được mối quan hệ của cung - cầu.  - Chỉ ra được vai trò của cạnh tranh.  - Nêu được khái niệm của cạnh tranh không lành mạnh.  - Nêu được khái niệm cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu.  **Thông hiểu**  - Xác định được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.  - Phân tích được xu hướng giá cả hàng hóa khi cung lớn hơn cầu.  - Hiểu và xác định nhận định đúng.  **Vận dụng cao**  - Xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh của một số chủ thể kinh tế.  - Xác định biểu hiện của cung của một số đối tượng. | 2 | 1 |  |  |
| 2 | **2. Thị trường lao động, việc làm** | **Nhận biết**  - Xác định được các yếu tố cấu thành thị trường lao động.  - Nêu được khái niệm của thị trường lao động.  - Chỉ ra được ý nghĩa của việc làm.  **Thông hiểu**  - Hiểu được mục đích của lao động.  - Hiểu và chỉ ra được xu hướng của thị trường lao động ở Việt Nam.  **Vận dụng**  - Phân tích mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.  - Sử dụng kiến thức lí thuyết để phân tích, nhận xét tình huống và liên hệ bản thân để hiểu về nhiệm vụ của học sinh trước khi tham gia vào thị trường lao động.  **Vận dụng cao**  - Xác định hành vi thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm trong trường hợp cho sẵn. | 4 | 3 |  |  |
| 3 | **3. Lạm phát, thất nghiệp** | **Nhận biết:**  Nêu được:  + Khái niệm lạm phát  + Khái niệm thất nghiệp.  + Các loại hình lạm phát và thất nghiệp.  – Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được hậu quả của lạm phát, thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.  – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.  **Vận dụng:**  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp. | 3 | 2 |  |  |
|  | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **4. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và những năng lực cần thiết của người kinh doanh** | **Nhận biết:**  Nêu được:  - Ý tưởng kinh doanh là gì  .- Cơ hội kinh doanh là gì   * Xác định được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh.   - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định các cơ hội kinh doanh  **Vận dụng:**  – Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.   * Đánh giá các cơ hội kinh doanh.   **Vận dụng cao**  – Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. | 2 | 2 | 1TL |  |
|  |  | **5. Đạo đức kinh doanh** | **Nhận biết:**  Nêu được:  - Quan niệm về đạo đức kinh doanh.  - Vai trò của đạo đức kinh doanh.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.  **Vận dụng:**  - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.  **-** Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.  **Vận dụng cao**  - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. | 3 | 2 | 1TL |  |
|  | **Hoạt động  tiêu dùng** | **6. Văn hóa tiêu dùng** | **Nhận biết:**  Nêu được:  - Vai trò của văn hoá tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế  - Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam  - Trình bày được các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.  **Vận dụng:**  – Phê phán được những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng.  **Vận dụng cao**:  - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.  -Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá. | 2TN | 2TN |  | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **16**  **TN** | **12**  **TN** | **2**  **TL** | **1**  **TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết, thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.